

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn thực hiện một số chế độ đối với quân nhân,
người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân,
công an nhân dân tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ
quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975
có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu
đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc**

Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số chế độ đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2012, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2024.

Thông tư số 103/2025/TT-BQP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Căn cứ Nghị định số 104/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thi hành Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 23/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, công an đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (sau đây gọi tắt là Nghị định số 23/2012/NĐ-CP).

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số chế độ đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.¹

¹ Thông tư số 104/2024/TT-BQP thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Căn cước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.”

Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 209/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện chế độ hưu trí, trợ cấp một lần, chế độ bảo hiểm y tế, mai táng phí đối với đối tượng trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào (sau đây gọi chung là đối tượng trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế) sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 thuộc địa bàn và thời gian quy định tại Điều 3 Nghị định số 23/2012/NĐ-CP, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ thuộc quân đội nhân dân (gọi tắt là quân nhân); người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân (gọi tắt là cơ yếu), nhập ngũ, tuyển dụng sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu hiện không thuộc diện đang hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động hoặc chế độ bệnh binh hàng tháng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc trước ngày 01 tháng 4 năm 2000;
- b) Thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên đang điều dưỡng tại các đoàn điều dưỡng thương binh hoặc từ các đoàn điều dưỡng thương binh đã về gia đình;
- c) Quân nhân, cơ yếu đã có quyết định chuyển ngành trước ngày 01 tháng 4 năm 2000 nhưng không thực hiện được chế độ chuyển ngành hoặc đã thôi phục vụ tại ngũ về địa phương mà chưa giải quyết chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc;
- d) Quân nhân, cơ yếu đã được giải quyết chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc rồi đi lao động hợp tác quốc tế hoặc được đơn vị cử đi lao động hợp tác quốc

sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách."

tế về nước và đã được giải quyết chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc trước ngày 01 tháng 4 năm 2000.

3. Đối tượng không áp dụng

Thông tư này không áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

- a) Đối tượng không đủ điều kiện hưởng dẫn tại Khoản 2 Điều này;
- b) Đối tượng đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đang công tác hưởng lương từ ngân sách nhà nước có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc đang hưởng chế độ mất sức lao động, chế độ bệnh binh hàng tháng;
- c) Đào ngũ, đầu hàng, phản bội, chiêu hồi;
- d) Vi phạm pháp luật đang chấp hành án tù giam, tù chung thân hoặc đã bị kết án về một trong các tội về xâm phạm an ninh quốc gia mà chưa được xóa án tích; bị tước danh hiệu quân nhân, bị buộc thôi việc;
- đ) Xuất cảnh trái phép, đang định cư ở nước ngoài bất hợp pháp hoặc bị tòa án tuyên bố là mất tích;
- e) Quân nhân nhập ngũ trước ngày 30 tháng 4 năm 1975;
- g) Đối tượng hưởng dẫn tại Khoản 2 Điều này đã từ trần nhưng không còn vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi; bố đẻ, mẹ đẻ hoặc người nuôi dưỡng hợp pháp.

Điều 2. Chế độ hưu trí

1. Thời gian công tác thực tế trong quân đội, cơ yếu có đóng bảo hiểm xã hội hoặc được coi là đã đóng bảo hiểm xã hội để tính hưởng chế độ hưu trí, bao gồm: thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công nhân viên chức quốc phòng, người làm công tác cơ yếu (kể cả thời gian công tác trong lực lượng công an nhân dân sau đó chuyển sang quân đội nhân dân, cơ yếu, nếu có). Thời gian công tác trên nếu có gián đoạn thì được cộng dồn.

Đối với các trường hợp chuyển ngành sang làm việc ở cơ quan, đơn vị, tổ chức ngoài quân đội, cơ yếu sau đó thôi việc trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 hoặc đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc đi lao động hợp tác quốc tế hoặc được cử đi lao động hợp tác quốc tế sau đó phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc thương binh điều dưỡng tại các đoàn điều dưỡng thương binh nặng do ngành Nội vụ² quản lý thì thời gian công tác ngoài quân đội, cơ yếu, thời gian lao động hợp tác quốc tế, thời

² Cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bằng cụm từ “Nội vụ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

gian điều dưỡng tại các đoàn điều dưỡng thương binh nặng do ngành Nội vụ³ quản lý không được tính hưởng chế độ hưu trí theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, tuyển dụng vào công an nhân dân tháng 5/1975, tháng 4/1978 chuyển sang quân đội nhân dân, đến tháng 9/1980 xuất ngũ; tháng 02/1982 tái ngũ (làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia từ tháng 02/1982 đến tháng 8/1989), được phục viên về địa phương kể từ ngày 01/01/2000. Theo quy định, thời gian công tác trong quân đội, công an được tính hưởng chế độ hưu trí của ông A là 23 năm 4 tháng (tháng 5/1975 đến tháng 9/1980; tháng 02/1982 đến tháng 12/1999).

Ví dụ 2: Ông Trần Công K, nhập ngũ tháng 8/1975 (tham gia chiến đấu ở biên giới Tây Nam từ tháng 11/1975 đến ngày 07/01/1979), đến tháng 9/1979 chuyển sang công nhân viên chức quốc phòng; tháng 01/1993 chuyển công tác sang Ban Cơ yếu Chính phủ hưởng lương như đối với quân nhân; tháng 01/1995 chuyển về Bộ Quốc phòng công tác; đến tháng 12/1996 ông K thôi phục vụ tại ngũ, hưởng chế độ phục viên. Theo quy định, thời gian phục vụ trong quân đội, cơ yếu được tính hưởng chế độ hưu trí của ông K là 21 năm 5 tháng (từ tháng 8/1975 đến tháng 12/1996).

2. Mức lương hưu hàng tháng của đối tượng hưởng dẫn tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư này được tính theo số năm thực tế phục vụ trong quân đội, cơ yếu. Mức lương hưu và mức bình quân tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội thực hiện như sau:

a) Mức lương hưu: cứ đủ 15 năm tính bằng 45% mức bình quân của tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội; sau đó, cứ thêm một năm đóng bảo hiểm xã hội được tính thêm 3% đối với nữ và 2% đối với nam. Mức lương hưu hàng tháng tối đa bằng 75% mức bình quân của tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội.

Trường hợp đối tượng thuộc diện hưởng sinh hoạt phí thì mức lương hưu hàng tháng được tính bằng 01 tháng lương tối thiểu chung theo quy định của Chính phủ cho từng thời kỳ.

b) Khi tính mức lương hưu hàng tháng nếu có tháng lẻ dưới 3 tháng thì không tính; từ đủ 3 tháng đến đủ 6 tháng được tính bằng một nửa (1/2) mức hưởng

³ Cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bằng cụm từ “Nội vụ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

của một năm đóng bảo hiểm xã hội; từ trên 6 tháng đến 12 tháng được tính bằng mức hưởng của một năm đóng bảo hiểm xã hội.

Ví dụ 3: Ông Nguyễn Văn A, nêu tại ví dụ 1, có thời gian công tác trong quân đội, công an được tính hưởng chế độ hưu trí là 23 năm 4 tháng. Theo quy định, cách tính tỷ lệ % lương hưu của ông A như sau:

- Đủ 15 năm = 45%;
- Từ năm thứ 16 đến năm thứ 23 (8 năm): $2\% \times 8 \text{ năm} = 16\%$;
- Có 4 tháng lẻ được tính ($1/2$ năm) thêm: $2\% \times 0,5 = 1\%$;
- Tỷ lệ lương hưu của ông A là: $45\% + 16\% + 1\% = 62\%$.

c) Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để tính lương hưu hàng tháng là bình quân tiền lương tháng của 5 năm cuối (60 tháng) trước khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc, chuyển ngành hoặc chuyển sang đoàn điều dưỡng thương binh thuộc ngành Nội vụ⁴ quản lý hoặc trước khi đi lao động hợp tác quốc tế.

d) Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 5 năm cuối, bao gồm: tiền lương theo cấp bậc quân hàm, ngạch, bậc và các khoản phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có) được chuyển đổi thành hệ số lương tương ứng quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Mức lương quân hàm Chuẩn úy tính bằng hệ số 3,90; tiền lương tối thiểu để tính lương hưu của đối tượng từ ngày 01/01/2012 là 830.000 đồng/tháng, khi Chính phủ điều chỉnh lương hưu thì các đối tượng trên cũng được điều chỉnh tương ứng.

Ví dụ 4: Ông Nguyễn Văn A, nêu tại ví dụ 1, được hưởng chế độ hưu trí từ ngày 01/01/2012; diễn biến tiền lương 5 năm cuối (60 tháng) của ông A như sau:

- Từ tháng 01/1995 đến tháng 12/1995 là 12 tháng, cấp bậc Đại úy, phiên theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP hệ số lương: 5,40; chức vụ: 0,5; thâm niên: 19%,

$$830.000 \text{ đồng} \times (5,40 + 0,5) \times 1,19 \times 12 \text{ tháng} = 69.929.160 \text{ đồng}.$$

- Từ tháng 01/1996 đến tháng 12/1999 là 48 tháng, cấp bậc Thiếu tá, phiên theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP hệ số lương: 6,0; chức vụ: 0,5; thâm niên: 23%,

$$830.000 \text{ đồng} \times (6,0 + 0,5) \times 1,23 \times 48 \text{ tháng} = 318.520.800 \text{ đồng}.$$

⁴ Cụm từ “Lao động-Thương binh và Xã hội” được thay thế bằng cụm từ “Nội vụ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Mức lương làm căn cứ tính lương hưu của ông A là:

$(69.929.160 \text{ đồng} + 318.520.800 \text{ đồng}) : 60 \text{ tháng} = 6.474.166 \text{ đồng/tháng.}$

- Lương hưu hàng tháng của ông A từ ngày 01/01/2012 đến 30/4/2012 là:
 $6.474.166 \text{ đồng} \times 62\% = 4.013.983 \text{ đồng/tháng;}$

- Từ ngày 01/5/2012 lương hưu của ông A được điều chỉnh (tăng thêm 26,5%) theo Nghị định số 35/2012/NĐ-CP ngày 18/4/2012 của Chính phủ là:

$4.013.983 \text{ đồng/tháng} \times 26,5\% = 5.077.688 \text{ đồng/tháng.}$

đ) Trường hợp đối tượng có thời gian hưởng lương chưa đủ 5 năm (dưới 60 tháng) thì mức lương tháng làm căn cứ tính lương hưu được tính bình quân của tổng số tháng hưởng lương.

Ví dụ 5: Ông Nguyễn Văn B, nhập ngũ tháng 02/1978, phục viên ngày 01/7/1998, có 20 năm, 05 tháng công tác trong quân đội (tháng 7/1994 thăng quân hàm Thiếu úy; tháng 7/1996 thăng quân hàm Trung úy).

- Từ tháng 7/1994 đến tháng 6/1996 là 24 tháng, cấp bậc Thiếu úy, phiên theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP hệ số lương: 4,20; thâm niên: 18%,

$830.000 \text{ đồng} \times 4,20 \times 1,18 \times 24 \text{ tháng} = 98.723.520 \text{ đồng.}$

- Từ tháng 7/1996 đến tháng 6/1998 là 24 tháng, cấp bậc Trung úy, phiên theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP hệ số lương: 4,60; thâm niên: 20%,

$830.000 \text{ đồng} \times 4,60 \times 1,20 \times 24 \text{ tháng} = 109.958.400 \text{ đồng.}$

Mức lương làm căn cứ tính lương hưu của ông A là:

$(98.723.520 \text{ đồng} + 109.958.400 \text{ đồng}) : 48 \text{ tháng} = 4.347.540 \text{ đồng/tháng.}$

e) Trường hợp cá biệt, hồ sơ của đối tượng chỉ chứng minh được mức quân hàm hoặc mức lương cuối cùng trước khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc, chuyển ngành thì áp dụng thời gian giữ cấp bậc quân hàm theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam (1999) hoặc thời gian giữ bậc lương theo quy định của Nhà nước để xác định diễn biến tiền lương 5 năm cuối và chuyển đổi thành hệ số lương tương ứng quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP để tính lương hưu.

Điều 3. Chế độ trợ cấp một lần và chế độ bảo hiểm y tế, mai táng phí

1. Đối tượng hưởng dẫn tại Điểm a, Điểm c và Điểm d Khoản 2 Điều 1 Thông tư này đã từ trần trước ngày 01 tháng 01 năm 2012, bao gồm cả đối tượng từ trần khi đang tại ngũ hoặc đang công tác thì một trong những thân nhân sau đây của đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp một lần bằng 3.600.000 đồng: vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi; bố đẻ, mẹ đẻ hoặc người nuôi dưỡng hợp pháp.

2. Đối tượng hưởng dẫn tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư này, nếu từ trần sau ngày 01 tháng 01 năm 2012 thì một trong những thân nhân sau đây của đối tượng được truy lĩnh tiền lương hưu từ 01/01/2012 đến tháng đối tượng từ trần: con đẻ, con nuôi; bố đẻ, mẹ đẻ hoặc người nuôi dưỡng hợp pháp.

3. Đối tượng hưởng dẫn tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư này, nếu chưa được hưởng chế độ bảo hiểm y tế thì được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế; khi từ trần, người lo mai táng được hưởng chế độ mai táng phí, thân nhân được hưởng trợ cấp tuất hàng tháng hoặc trợ cấp tuất một lần và các chế độ, chính sách khác như người hưởng lương hưu theo quy định hiện hành của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí chi trả lương hưu hàng tháng, trợ cấp một lần, bảo hiểm y tế, trợ cấp tuất, mai táng phí do ngân sách Trung ương đảm bảo. Bộ Tài chính chuyên Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện.

Điều 5. Hồ sơ xét hưởng chế độ

1. Giấy tờ làm căn cứ xét hưởng chế độ gồm một hoặc một số giấy tờ gốc hoặc được coi như giấy tờ gốc hoặc giấy tờ liên quan, cụ thể:

Quyết định phục viên, xuất ngũ, thôi việc, chuyển ngành, chuyển sang công tác khác trong tổ chức cơ yếu hoặc chuyển sang công nhân viên chức quốc phòng, quyết định của cơ quan có thẩm quyền cử đi lao động hợp tác quốc tế; lý lịch quân nhân, lý lịch cán bộ công chức, viên chức, lý lịch cán bộ hoặc bản trích yếu 63 đối với sĩ quan; lý lịch đảng viên; phiếu lập sổ trợ cấp phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành; sổ bảo hiểm xã hội (nếu có); quyết định cấp giấy chứng nhận thương binh và trợ cấp thương tật hoặc bản trích lục hồ sơ thương tật (đối với thương binh).

Giấy xác nhận quá trình công tác của cơ quan, đơn vị cũ trước khi quân nhân, cơ yếu phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, thôi việc do thủ trưởng cơ quan, đơn vị từ cấp Trung đoàn và tương đương trở lên theo phân cấp quản lý đối tượng trước khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc cử đi lao động hợp tác quốc tế, chuyển ngành hoặc chuyển sang công nhân viên chức quốc phòng cấp, ký, đóng dấu, kèm theo bản sao⁵ hồ sơ của đối tượng hoặc danh sách đăng ký, quản lý đối tượng mà cơ quan, đơn vị đang lưu trữ để làm căn cứ xác nhận; đối với các đối tượng còn giấy tờ, hồ sơ gốc tại đơn vị cũ thì đơn vị cũ thực hiện việc cấp lại cho

⁵ Từ “photocopy” được thay thế bằng từ “sao” theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 104/2024/TT-BQP thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2024.

đối tượng theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực hiện hành. Trường hợp cơ quan, đơn vị cũ đã sáp nhập hoặc giải thể thì do cơ quan, đơn vị mới được thành lập sau sáp nhập hoặc cấp trên trực tiếp của cơ quan, đơn vị đã giải thể xác nhận, cấp lại.

Các giấy tờ làm căn cứ xét hưởng chế độ nêu trên (bao gồm bản chính hoặc bản sao của cấp có thẩm quyền) phải chứng minh đúng đối tượng, đủ điều kiện hưởng chế độ theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư này và Điều 3 Nghị định số 23/2012/NĐ-CP; xác định được tháng, năm nhập ngũ, tái ngũ, tuyển dụng, phục viên, xuất ngũ, thôi việc, đi lao động hợp tác quốc tế, chuyển ngành, chuyển sang công nhân viên chức quốc phòng, thời gian công tác thực tế trong quân đội, cơ yếu.

2. Hồ sơ xét hưởng chế độ hưu trí

a) Đối với đối tượng hoặc thân nhân của đối tượng đã từ trần sau ngày 01 tháng 01 năm 2012 trở đi lập 01 bộ hồ sơ, gồm:

- Đơn đề nghị của đối tượng hoặc thân đối tượng (Mẫu số 01, bản chính);
- Một hoặc một số giấy tờ làm căn cứ xét hưởng chế độ hướng dẫn tại Khoản 1 Điều này.

Đối với các trường hợp hưởng dẫn tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư này bị kết án tù giam, nhưng đã chấp hành xong án phạt tù, chuyển về địa phương mà chưa được giải quyết chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc thì bổ sung thêm Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù giam (bản chính hoặc bản sao của cơ quan có thẩm quyền). Đối với trường hợp bị kết án tù giam trước ngày 01/01/1995 đã chấp hành xong án phạt tù chuyển về địa phương, chưa được giải quyết chế độ, chính sách, Bộ Quốc phòng cân nhắc mức độ sai phạm và quá trình cống hiến đối với từng trường hợp cụ thể để xem xét, vận dụng giải quyết chế độ hưu trí theo quy định tại Nghị định số 23/2012/NĐ-CP sau khi thống nhất với Bộ Nội vụ⁶.

b) Đối với các cấp: xét duyệt, hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư này, hồ sơ gồm 05 bộ (Bảo hiểm xã hội Việt Nam 01 bộ; Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương⁷ 01 bộ; Bảo hiểm xã hội Quân

⁶ Cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bằng cụm từ “Nội vụ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

⁷ Cụm từ “tỉnh, thành phố” được thay thế bằng cụm từ “tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

đội⁸ 01 bộ; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội 01 bộ; cá nhân đối tượng 01 bộ).

3. Hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp một lần

a) Thân nhân của đối tượng từ trần trước ngày 01/01/2012 lập 01 bộ hồ sơ, gồm:

- Đơn đề nghị của thân nhân đối tượng (Mẫu số 02, bản chính);
- 01 bản sao giấy chứng tử; 01 giấy ủy quyền (nếu có) (Mẫu số 03, bản chính). Trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ khai thác được giấy chứng tử từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan thì thân nhân của đối tượng không phải nộp giấy chứng tử.⁹

b) Đối với các cấp: xét duyệt, hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư này, hồ sơ gồm 05 bộ (Bảo hiểm xã hội Việt Nam 01 bộ; Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương¹⁰ 01 bộ; Bảo hiểm xã hội Quân đội¹¹ 01 bộ; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội 01 bộ, cá nhân đối tượng 01 bộ).

Điều 6. Trình tự và trách nhiệm thực hiện

1. Đối tượng, thân nhân đối tượng thuộc diện hưởng chế độ hưu trí hoặc chế độ trợ cấp một lần nộp hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi¹² thường trú theo từng đợt, mỗi đợt vào ngày đầu tuần trong tuần đầu, tháng đầu của mỗi quý; số lượng 01 bộ theo hướng dẫn tại Điểm a Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

⁸ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

⁹ Gạch đầu dòng này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

¹⁰ Cụm từ “tỉnh, thành phố” được thay thế bằng cụm từ “tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

¹¹ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

¹² Cụm từ “đăng ký hộ khẩu” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 104/2024/TT-BQP thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2024.

2. Trình tự, trách nhiệm và quy định thời gian xét duyệt ở các cấp được thực hiện như sau:

a) Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã

Trong thời hạn không quá 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của đối tượng theo quy định (theo từng đợt), hoàn thành việc tổng hợp, lập hồ sơ đối tượng là quân nhân, cơ yếu báo cáo Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh¹³.

b)¹⁴ (**được bãi bỏ**)

c) Đối với Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh

Trong thời hạn không quá 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (theo từng đợt), hoàn thành việc xét duyệt, hoàn thiện hồ sơ (05 bộ), báo cáo đề nghị Bộ Tư lệnh quân khu (qua Cục Chính trị) (Mẫu số 04).

d) Đối với Bộ Tư lệnh các quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội

Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (theo từng đợt), hoàn thành việc thẩm định, ra Quyết định về việc thực hiện chế độ hưu trí (Mẫu số 05), công văn đề nghị (Mẫu số 06), chuyển Bảo hiểm xã hội Quân đội¹⁵.

đ) Đối với Bảo hiểm xã hội Quân đội¹⁶

Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (theo từng đợt), hoàn thành việc xét duyệt, hoàn thiện thủ tục, ra quyết định hưởng chế độ hưu trí (Mẫu số 07) hoặc chế độ trợ cấp một lần (Mẫu số 08) và các giấy tờ khác theo quy định đối với đối tượng là quân nhân, cơ yếu, chuyển Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện;

- Lưu giữ hồ sơ xét hưởng chế độ và chuyển hồ sơ tới các cơ quan, đơn vị, đối tượng theo quy định.

¹³ Cụm từ “Ban chỉ huy quân sự cấp huyện” được thay thế bằng cụm từ “Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

¹⁴ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

¹⁵ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

¹⁶ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

3. Trách nhiệm của các cơ quan chức năng Bộ Quốc phòng

a) Cục Chính sách-Xã hội¹⁷/Tổng cục Chính trị

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng chỉ đạo triển khai, kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách đối với các đối tượng hướng dẫn tại Thông tư này; phối hợp giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

b) Cục Cán bộ/Tổng cục Chính trị; Cục Quân lực/Bộ Tổng Tham mưu

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị theo phân cấp quản lý xác nhận quá trình công tác trong quân đội cho đối tượng theo quy định, bảo đảm chặt chẽ, chính xác; chỉ đạo cơ quan cán bộ, quân lực các đơn vị trực thuộc Bộ tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ, báo cáo Bảo hiểm xã hội Quân đội¹⁸ theo quy định; phối hợp chỉ đạo, kiểm tra và giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

c) Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng

Phối hợp với các cơ quan chức năng chỉ đạo, kiểm tra và giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Quốc phòng

a) Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các chế độ hướng dẫn tại Thông tư này;

b) Chủ trì phối hợp giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

2. Bộ Nội vụ¹⁹

a) Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính hướng dẫn, kiểm tra và giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện;

b) Hướng dẫn điều chỉnh lương hưu hàng tháng theo quy định của Chính phủ đối với quân nhân, cơ yếu đã được hưởng lương hưu theo hướng dẫn tại Thông tư này.

3. Bộ Tài chính

¹⁷ Cụm từ “Cục Chính sách được thay thế bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

¹⁸ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

¹⁹ Cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bằng cụm từ “Nội vụ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

a) Bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Nghị định số 23/2012/NĐ-CP và Thông tư này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ²⁰ hướng dẫn, kiểm tra và giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện.

4. Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Hướng dẫn Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp nhận hồ sơ hưởng chế độ hưu trí, chế độ trợ cấp một lần do Bảo hiểm xã hội Quân đội²¹ chuyển đến; chi trả lương hưu hàng tháng, chế độ trợ cấp một lần và các chế độ khác đối với người hưởng chế độ hưu trí theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành²²

²⁰ Cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bằng cụm từ “Nội vụ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

²¹ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

²² Điều 7 và Điều 8 của Thông tư số 104/2024/TT-BQP thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2024 quy định như sau:

“Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 11 năm 2024.
2. Các mẫu giấy tờ là thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính đã được các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận của đối tượng chính sách trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa giải quyết xong thì tiếp tục được giải quyết theo các quy định tại Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, Thông tư liên tịch số 144/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, Thông tư liên tịch số 138/2015/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, chỉ huy các cơ quan, đơn vị trong Bộ Quốc phòng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./”.

Điều 19, Điều 20 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.
2. Thay thế một số cụm từ sau:
 - a) Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại các điều, khoản, điểm sau đây:

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2012.
2. Chế độ hưu trí hàng tháng hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

- Tại điểm b khoản 3 Mục II Thông tư liên tịch số 27/2004/TTLT-BQP-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2004 của Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 215/2003/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với quân nhân, công nhân viên quốc phòng trực tiếp làm công tác quản lý giáo dục, chăm sóc khám chữa bệnh hoặc đấu tranh với các đối tượng nhiễm HIV/AIDS;

- Tại Điều 4, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 53/2024/TT-BQP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

b) Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại các điều, khoản, điểm sau đây:

- Tại điểm a, điểm d khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 7 Thông tư số 06/2015/TT-BQP ngày 19 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định, hướng dẫn vận động đóng góp, quản lý và sử dụng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa trong Bộ Quốc phòng;

- Tại khoản 1 Điều 5, khoản 2 Điều 8 Thông tư số 53/2024/TT-BQP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

3. Các mẫu giấy tờ là thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính đã được các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận của đối tượng chính sách trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa giải quyết xong thì tiếp tục được giải quyết theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nhận hồ sơ.

4. Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (khi có đủ điều kiện) theo quy định tại Thông tư này được thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ điện tử, kê khai mẫu đơn, tờ khai điện tử theo yêu cầu của hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến;

b) Tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia thông qua tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập được kết nối, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính khai thác thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin theo quy định pháp luật và bổ sung giấy tờ, tài liệu vào thành phần hồ sơ của cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, không yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp, xuất trình những giấy tờ, tài liệu này.

5. Đối với đối tượng công an nhân dân đề nghị hưởng chế độ theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg đã nộp hồ sơ đề nghị hưởng chế độ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa được xét duyệt, ra quyết định hưởng chế độ thì trách nhiệm, trình tự giải quyết thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nhận hồ sơ; trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng chế độ từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Bộ, ngành, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị) để xem xét, giải quyết./”

3. Khi hưởng chế độ hưu trí hàng tháng, đối tượng không phải nộp lại số tiền trợ cấp phục viên, xuất ngũ, thôi việc đã nhận.

4. Trường hợp đối tượng vừa có thời gian công tác trong quân đội nhân dân, vừa có thời gian công tác trong ngành cơ yếu, vừa có thời gian công tác trong công an nhân dân thì đơn vị công tác cuối cùng giải quyết chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và giải quyết chế độ hưu trí hoặc chế độ một lần đối với các đối tượng theo quy định; đối tượng là cơ yếu do quân đội tiếp nhận hồ sơ và giải quyết chế độ theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về liên Bộ (qua Cục Chính sách - Xã hội²³/Tổng cục Chính trị) để xem xét, giải quyết./. 

BỘ QUỐC PHÒNG

Số: **37** /VBHN-BQP

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày **24** tháng **02** năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Thượng tướng Nguyễn Văn Gấu

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Lãnh đạo BQP;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Công an;
- BTMM, TCCT;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- Ban Cơ yếu Chính phủ;
- Các Cục: Chính sách-Xã hội,⁽⁰³⁾ Cán bộ, Quân lực, Tài chính, Pháp chế;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL/Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT BQP (để đăng tải);
- Công TTĐT ngành Chính sách QĐ (để đăng tải);
- Lưu: VT, NCTH.

²³ Cụm từ “Cục Chính sách” được thay thế bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Phụ lục số 01**BẢNG ĐIỀU CHỈNH LƯƠNG HƯU**

*(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC
ngày 19 tháng 10 năm 2012)*

Số TT	Tên văn bản	Thời gian điều chỉnh	Mức điều chỉnh
01	Nghị định số 35/2012/NĐ-CP ngày 18/4/2012 của Chính phủ	Từ 01/05/2012	26,5%

Phụ lục số 02²⁴

(Ban hành kèm theo Thông tư số 104/2024/TT-BQP
ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị hưởng chế độ hưu trí
Mẫu số 02	Đơn đề nghị hưởng chế độ một lần
Mẫu số 03	Giấy ủy quyền
Mẫu số 04	Công văn đề nghị (dùng cho cấp ²⁵ tỉnh)
Mẫu số 05	Quyết định về việc thực hiện chế độ hưu trí (dùng cho cấp quân khu, BTL Thủ đô Hà Nội)
Mẫu số 06	Công văn đề nghị (dùng cho cấp quân khu, BTL Thủ đô Hà Nội)
Mẫu số 07	Quyết định về việc hưởng chế độ hưu trí của Bảo hiểm xã hội Quân đội ²⁶
Mẫu số 08	Quyết định về việc hưởng chế độ trợ cấp một lần của Bảo hiểm xã hội Quân đội ²⁷

²⁴ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 104/2024/TT-BQP thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2024.

²⁵ Từ “huyện” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

²⁶ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

²⁷ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ
Theo Nghị định số 23/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ

Kính gửi: (1).....

Tên tôi là: Bí danh: Nam, nữ:.....
 Thuộc đối tượng (quân nhân, cơ yếu):.....
 Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... Số định danh cá nhân (CCCD/Căn cước).....
 Quê quán:.....
 Nơi thường trú:.....
 Nhập ngũ, tuyển dụng: ngày..... tháng..... năm..... Đơn vị, cơ quan khi nhập ngũ, tuyển dụng (c,d,e,f).....
 Phục viên, xuất ngũ; chuyển ngành; thôi việc: ngàytháng.....năm..... ;
 Tái ngũ: ngày tháng năm....., đơn vị (c,d,e,f).....
 Phục viên, xuất ngũ: ngày tháng năm.....
 Ngày chấp hành xong án tù giam đối với đối tượng bị tù giam; hoặc chuyển về trung tâm điều dưỡng thương binh:...../...../.....
 Đơn vị trực tiếp tham gia chiến đấu (cấp d, e, f....):
 Thời gian trực tiếp tham gia chiến đấu: từ tháng...../..... đến...../.....
 Địa bàn chiến đấu (²⁸ tỉnh):.....
 Tổng số thời gian công tác có đóng BHXH:.....năm.....tháng; trong đó thời gian phục vụ quân đội năm.....tháng.
 Cấp bậc, chức vụ, cơ quan, đơn vị khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc; hoặc chuyển về trung tâm điều dưỡng thương binh; hoặc bị tòa kết án tù giam:.....

 Đã được hưởng chính sách: (2).....

²⁸ Từ “huyện” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

.....
 Đã được hưởng chế độ bảo hiểm y tế hoặc chưa được hưởng chế độ BHYT:.....

Giấy tờ kèm theo gồm:.....

.....
 Tôi làm đơn này đề nghị các cấp xem xét, quyết định cho tôi được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 23/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) - Ủy ban nhân dân xã, phường nơi thường trú.

(2) - Ghi rõ: phục viên, xuất ngũ, thôi việc, thương binh, bệnh binh, mất sức lao động, hưu trí.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHẾ ĐỘ MỘT LẦN
Theo Nghị định số 23/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ

Kính gửi: (1).....

Tên tôi là: Năm sinh:.....

Quê quán:.....

Nơi thường trú:.....

Quan hệ với đối tượng khai dưới đây là:

Thân nhân của đối tượng gồm:

Họ và tên đối tượng:; sinh năm:; Nam, nữ:.....

Nhập ngũ, tuyển dụng: ngày..... tháng.....năm.....Đơn vị, cơ quan khi nhập ngũ, tuyển dụng (c,d,e,f)

Phục viên, xuất ngũ; chuyển ngành; thôi việc: ngày tháng....năm... Tái ngũ: ngày thángnăm...đơn vị (c,d,e,f).....

Phục viên, xuất ngũ: ngày tháng năm.....

Đơn vị trực tiếp tham gia chiến đấu (c,d,e,f,...):

Thời gian trực tiếp tham gia chiến đấu: từ tháng...../..... đến...../.....

Địa bàn chiến đấu (²⁹tỉnh):.....

Tổng số thời gian công tác có đóng BHXH:.....năm.....tháng; trong đó thời gian phục vụ quân đội năm.....tháng.

Đã được hưởng chế độ: (2)

.....

²⁹ Từ “huyện” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Từ trần ngày tháng năm tại.....

Tôi làm đơn này đề nghị các cấp xem xét, giải quyết chế độ một lần cho ông (bà) theo quy định tại Nghị định số 23/2012/NĐ-CP.

Giấy tờ kèm theo gồm:.....

Tôi xin cam đoan những nội dung kê khai nêu trên là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) - Ủy ban nhân dân xã, phường nơi thường trú.

(2) - Ghi rõ: phục viên, xuất ngũ, thôi việc, thương binh, bệnh binh, mất sức lao động, hưu trí.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN
Kê khai hưởng chế độ một lần
theo Nghị định số 23/2012/NĐ-CP của Chính phủ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường)
³⁰ tỉnh (thành phố)

Tên tôi là: Năm sinh:

Quê quán:

Nơi thường trú:

Nghề nghiệp:

Là của ông (bà) thuộc đối tượng được thực hiện chế độ một lần theo quy định tại Nghị định số 23/2012/NĐ-CP.

Nay ủy quyền cho ông (bà): quan hệ với đối tượng là

Thường trú tại xã (phường):

³¹ tỉnh (thành phố)

Chịu trách nhiệm đứng tên kê khai để hưởng chế độ một lần.

XÁC NHẬN
của UBND xã (phường)

....., ngày tháng năm

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ông (bà)

Thường trú tại địa phương và ký ủy quyền là đúng.

(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký đóng dấu)

³⁰ Từ “huyện” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

³¹ Từ “huyện (quận)” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

.....
(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm 20.....

V/v thực hiện chế độ tại
 Nghị định số 23/2012/NĐ-CP

Kính gửi: (2)

Căn cứ Nghị định số 23/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 19/10/2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính; Thông tư số /2024/TT-BQP ngày / /2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Căn cứ hồ sơ của đối tượng, (1) xác nhận và đề nghị:

Ông (bà) sinh năm:

Quê quán:

Nơi thường trú:

Là đối tượng được hưởng chế độ (3):

theo quy định tại Nghị định số 23/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

Hồ sơ kèm theo gồm:

-
-
-

Đề nghị (2) xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

-(2);
- Lưu VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

- (1) Cấp đề nghị.
- (2) Cấp trên trực tiếp.
- (3) Hưu trí hàng tháng hoặc chế độ một lần.
- (Mẫu này dùng cho cấp³² tỉnh).

³² Từ “huyện” được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-BTL

....., ngày tháng năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thực hiện chế độ hưu trí

BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU

Căn cứ Nghị định số 23/2012/NĐ-CP ngày 30/4/2012 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 19/10/2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính; Thông tư số /2024/TT-BQP ngày / /2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Chính trị Quân khu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ông (bà)

Sinh ngày:

Quê quán:

Nơi thường trú:

Ngày nhập ngũ: .../.../...; ngày tuyển dụng: .../.../.....

Ngày xuất ngũ: .../.../...; ngày tái ngũ: .../.../.....

Ngày phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, thôi việc: .../.../.....

Cấp bậc:; chức vụ:.....

Mức lương

Đơn vị:

Tổng thời gian công tác được tính hưởng BHXH: ... năm tháng.

Được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

Điều 2. Chế độ hưu trí của ông (bà) do Bảo hiểm xã hội Quân đội³³ giải quyết theo quy định của Nghị định số 23/2012/NĐ-CP.

³³ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, đồng chí Chủ nhiệm Chính trị và ông (bà) có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BHXHVN;
- Bảo hiểm xã hội Quân đội³⁴
- BHXH tỉnh....;
- Cá nhân tại Điều 1;
- Lưu

CHÍNH ỦY

³⁴ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

BTL QUÂN KHU
CỤC CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....
V/v thực hiện chế độ tại Nghị
định số 23/2012/NĐ-CP

....., ngày tháng năm 20.....

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội Quân đội.³⁵

Căn cứ Nghị định số 23/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, ngày 19/10/2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính; Thông tư số /2024/TT-BQP ngày / /2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Căn cứ hồ sơ của đối tượng và đề nghị của các cấp có thẩm quyền,

Cục Chính trị Quân khu đề nghị Bảo hiểm xã hội Quân đội³⁶ giải quyết chế độ (1) cho đối tượng theo quy định tại Nghị định số 23/2012/NĐ-CP.

(Có danh sách và hồ sơ kèm theo).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

CHỦ NHIỆM

(Ghi rõ họ tên, ký, đóng dấu)

(1) Hưu trí hằng tháng hoặc chế độ một lần.
(Mẫu này dùng cho cấp quân khu và BTL Thủ đô Hà Nội).

³⁵ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

³⁶ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

BỘ QUỐC PHÒNG
BẢO HIỂM XÃ HỘI QUÂN ĐỘI³⁷

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-HT

Hà Nội, ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hưởng chế độ hưu trí hằng tháng

GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI QUÂN ĐỘI³⁸

Căn cứ Nghị định số 23/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 19/10/2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính; Thông tư số /2024/TT-BQP ngày / /2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Thông tư số 168/2018/TT-BQP ngày 03/12/2018, Thông tư số 81/2022/TT-BQP ngày 15/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Căn cứ hồ sơ giải quyết chế độ hưu trí đối với Ông (bà):..... ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ông (bà) Nam, nữ.....

Sinh ngày:...../...../.....Số sổ BHXH (nếu có):.....

Cấp bậc, chức vụ, chức danh, nghề nghiệp (trước khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc):.....

Đơn vị:.....

Tổng số thời gian đóng BHXH là:.....năm.....tháng. Thời gian đóng BHXH bắt buộc có:

- Thời gian làm việc trong lực lượng vũ trang:năm.....tháng.

- Thời gian làm việc được tính tuổi quân:năm.....tháng.

³⁷ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

³⁸ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

- Thời gian làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: ...năm.....tháng.

- Thời gian làm nghề hoặc công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: ...năm....tháng.

- Thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên:năm.....tháng.

- Thời gian làm việc khai thác than trong hầm lò: ...năm.....tháng.

Mức bình quân tiền lương, tiền công tháng làm căn cứ tính lương hưu.....đồng.

Tỷ lệ % để tính lương hưu.....

Được hưởng chế độ hưu trí từ ngày 01/01/2012.

Điều 2. Mức hưởng chế độ hưu trí như sau:

a) Trợ cấp một lần khi nghỉ hưu (nếu có):x.....tháng = đồng.

Tổng số tiền trợ cấp một lần: đồng.

Bằng chữ (.....)

Nơi nhận:.....

b) Lương hưu hằng tháng:x.....% = đồng.

c) Điều chỉnh lương hưu (nếu có):

Tổng lương hưu hằng tháng được nhận là (b+c): đồng.

Bằng chữ (.....)

Nơi nhận lương hưu:.....

Điều 3. Các đồng chí Trưởng phòng Chế độ bảo hiểm xã hội³⁹, Thủ trưởng đơn vị và Ông (bà) có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương⁴⁰
- BHXHVN.

GIÁM ĐỐC

³⁹ Cụm từ “Trưởng phòng Chế độ chính sách BHXH Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Trưởng phòng Chế độ bảo hiểm xã hội” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

⁴⁰ Cụm từ “tỉnh, thành phố” được thay thế bằng cụm từ “tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

BỘ QUỐC PHÒNG
BẢO HIỂM XÃ HỘI QUÂN ĐỘI⁴¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-HT

Hà Nội, ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hưởng chế độ trợ cấp một lần

GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI QUÂN ĐỘI⁴²

Căn cứ Nghị định số 23/2012 ngày 03/4/2012 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 19/10/2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính; Thông tư số /2024/TT-BQP ngày / /2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Thông tư số 168/2018/TT-BQP ngày 03/12/2018, Thông tư số 81/2022/TT-BQP ngày 15/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Căn cứ hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân đồng chí từ trần ngày.....tháng.....năm.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ông (bà).....là..... của ông (bà)

.....số sổ BHXH (nếu có).....

Cấp bậc, chức vụ khi phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, thôi việc:.....

.....

Đơn vị:.....

⁴¹ Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

⁴² Cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Ngày nhập ngũ:.../...../.....; ngày tuyển dụng:...../...../.....

Ngày xuất ngũ:...../...../.....; ngày tái ngũ:...../...../.....

Ngày phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, thôi việc:...../...../.....

Tổng thời gian công tác trong quân đội, cơ yếu đến tháng....năm...là...năm....tháng.

Trợ cấp một lần: 3.600.000 đồng (*Ba triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

Nơi nhận trợ cấp:.....

Điều 2. Các đồng chí Trưởng phòng Chế độ bảo hiểm xã hội ⁴³, Thủ trưởng đơn vị và đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ⁴⁴
- BHXHVN.

GIÁM ĐỐC



⁴³ Cụm từ “Trưởng phòng Chế độ chính sách BHXH Bộ Quốc phòng” được thay thế bằng cụm từ “Trưởng phòng Chế độ bảo hiểm xã hội” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

⁴⁴ Cụm từ “tỉnh, thành phố” được thay thế bằng cụm từ “tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.